

Bản án số: 155/2024/DS-PT

Ngày 23/5/2024

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Cường**

ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 318/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 860/2024/QĐPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1969; trú tại: số F N, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn Hoài T1, sinh năm 1954; Trú tại: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Quang T2, sinh năm 1963; trú tại: số nhà G đường A, quận B, Tthành phố H; vắng mặt.

2. Ông Trần Quang D, sinh năm 1964; trú tại: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Ông Trần Quang T3, sinh năm 1965 (chết năm 2006).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Quang T3:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ánh T4, sinh năm 1969; vắng mặt.

3.2. Cháu Trần Quân N, sinh năm 1993; vắng mặt.

3.3. Cháu Trần Quỳnh T5, sinh năm 2003; vắng mặt.

Cùng trú tại: số A đường Đ, thôn T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

4. Bà Trần Thị Tường V, sinh năm 1968; trú tại: số E H, thành phố S, B, USA; vắng mặt.

5. Ông Trần Quang N1, sinh năm 1972; trú tại: số C C, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông N1: bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1969; trú tại: số F N, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định - theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2023; có mặt.

6. Ông Trần Quang H, sinh năm 1974; trú tại: số H đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông H: bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1969; trú tại: số F N, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định - theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2023; có mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1960. Trú tại: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Cha bà Trần Thị Thu T là ông Trần S (chết năm 2019) và mẹ là bà Đào Thị T6 (chết năm 2014) có tạo lập 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền quyền sử dụng đất từ trước năm 1975 thửa đất 1014, tờ bản đồ 16, có diện tích 104m² đất ở tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, được Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 03/7/2002. Cha mẹ bà có 07 người con gồm: Ông Trần Quang T2, ông Trần Quang D, ông Trần Quang T3 (chết năm 2006 có vợ là bà Nguyễn Thị Ánh T4 và 02 con là cháu Trần Quân N, cháu Trần Quỳnh T5), bà Trần Thị Tường V, ông Trần Quang H, ông Trần Quang N1, bà Trần Thị Thu T. Năm 2007 cha mẹ bà có viết giấy tay cho bà được toàn quyền sử dụng và trông coi thửa đất, nhưng thực tế giấy này không có giá trị vì chỉ dùng để cho bà nhập khẩu, nên hiện nay tài sản này là di sản của cha mẹ để lại chưa chia và do các anh chị em bà cùng quản lý.

Ngày 22/02/2022 bà phát hiện ông Nguyễn Hoài T1 nhà kế bên lấn chiếm phần đất của gia đình bà, ông T1 ngang nhiên lấn sang phần đất, tự đập miếng

đánh, đương xúc và chặt 02 cây cảnh của gia đình bà và lắp kín cửa sổ, cửa ra vào nhà bà (việc đập phá này bà không yêu cầu tòa giải quyết). Tổng diện tích ông T1 lấn chiếm đất khoảng 20cm x 20cm. Sự việc ông T1 lấn chiếm bà có báo cáo chính quyền địa phương và UBND xã P có lập biên bản hòa giải 02 lần ngày 15/3/2022 và ngày 21/4/2022.

Ngày 27/02/2022 ông Trần Quang D có viết giấy thỏa thuận cho ông T1 xây sát vách nhà của cha mẹ nhưng chưa được sự đồng ý của các anh em khác. Hiện nay còn có mái đánh cửa sổ của nhà cha mẹ bà làm ranh giới đất của gia đình bà với gia đình ông T1 từ trước ra sau nên bà yêu cầu ông Nguyễn Hoài T1 tháo dỡ diện tích xây dựng trái phép trả lại phần đất lấn chiếm cho gia đình bà theo kết quả đo đạc thực tế của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Hoài T1 trình bày:

Trước năm 1975 khu cửa L có 04 căn nhà trong đó có 03 căn nhà xây dựng và 01 căn nhà lợp tôn là tiệm hớt tóc. Chị ông tên Nguyễn Thị C đã mua lại căn nhà lợp tôn bằng giấy tờ viết tay với giá 55.000 đồng, chiều ngang 3 mét, chiều sâu 4 mét. Thời gian sau này chị ông lấy chồng nên để lại cho ông sử dụng, vì quán hớt tóc có 01 đường đi để ra sau tưới cánh đồng và vì cuộc sống cực khổ nên sau đó ông dựng cây cột lợp tôn sát vách nhà của vợ chồng bà Đào Thị T6 để sửa xe đạp kiếm sống nuôi con ăn học.

Thực tế đất gia đình bà T còn có một khoảng đất trống theo mốc giới là mái đánh cửa sổ nhà bà T hiện nay vẫn còn giáp với đất gia đình ông từ trước ra sau. Năm 2022 vợ chồng ông có gặp ông Trần Quang D và điện thoại cho ông Trần Quang T2 (anh ông D) xin phép được xây dựng nhà sát vách nhà của gia đình ông D; hai ông đều đồng ý, ngày 27/02/2022 ông Trần Quang D có viết giấy thỏa thuận cho ông T1 xây sát vách nhà của cha mẹ ông D.

Bà T tranh chấp buộc ông tháo dỡ nhà vợ chồng ông tha thiết hòa giải và giải quyết hợp tình hợp lý nhưng bà T không chịu và khởi kiện ông. Vì diện tích căn nhà ông nhỏ và chật hẹp mà cũng đã xin phép, hỏi ý kiến hai anh trai của bà T nên ông mới xây cất nhà để ở và sinh sống, ông mong tòa xem xét cho hợp tình hợp lý xử theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa ông thống nhất mốc giới như bà T trình bày và thống nhất phần lấn chiếm như bản vẽ của tòa án, vợ chồng ông thống nhất thôi lại bằng giá trị cho gia đình bà T đối với phần diện tích lấn chiếm.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ú trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Hoài T1 nên bà thống nhất như lời trình bày của ông T1, bà không có ý kiến gì khác.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang N1, ông Trần Quang H, bà Trần Thị Tường

V trình bày: Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm.

Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang D trình bày: Ông thống nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống, tài sản cha mẹ chết để lại chưa chia là thửa đất 1014, tờ bản đồ 16, có diện tích 104m² tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2002, hiện nay do 07 anh chị em quản lý. Do đất gia đình ông có một khoản đất trống theo mốc giới là mái đình cửa sổ từ trước ra sau như bà T trình bày. Năm 2022 vợ chồng ông T1 có gặp ông để xin khoản đất trống này xây dựng nhà sát vách nhà của gia đình ông. Ông có gọi điện hỏi anh trai là ông Trần Quang T2 thì anh T2 giao cho ông quyết định, nên ngày 27/02/2022 ông có viết giấy thỏa thuận cho ông T1 xây sát vách nhà của cha mẹ ông. Ông nghĩ anh T2 và ông là hai anh lớn nhất đã quyết định thì các em phải nghe theo nên ông không hỏi ý kiến các em khác. Do đó việc tranh chấp của em gái ông là bà T ông không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang T2, bà Nguyễn Thị Ánh T4, cháu Trần Quân N, cháu Trần Quỳnh T5 không đến Tòa làm việc nên theo giấy triệu tập nên không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 37, 41, 147, 157, 165, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 163, 166, 175, 176, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.
2. Xác định vợ chồng ông Nguyễn Hoài T1, bà Nguyễn Thị Ú có xây nhà lấn sang thửa đất số 1014, tờ bản đồ số 16 (hiện nay là thửa 218, tờ bản đồ số 34) của gia đình bà Trần Thị Thu T 7,9m² đất ở (có số đo và tứ cận theo sơ đồ bản vẽ ngày 13/6/2023 kèm theo bản án).
3. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hoài T1, bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ trả giá trị 7,9m² đất ở đã lấn chiếm với số tiền là 79.000.000 đồng cho những người được hưởng thừa kế tài sản của ông Trần S và bà Đào Thị T6, tạm giao bà Trần Thị Thu T nhận và quản lý số tiền này.

Sau khi vợ chồng ông T1, bà Ú trả cho gia đình bà T giá trị đất lần chiếm thì vợ chồng ông T1, bà Ú được quyền sử dụng 7,9m² đất ở đã lần chiếm và buộc gia đình bà T phải tháo dỡ mái đan cửa sổ 0,4m², gờ mái 0,6m² (trên đất lần chiếm đã giao cho vợ chồng ông T1 sử dụng) khi vợ chồng ông T1 có yêu cầu.

(Có sơ đồ bản vẽ ngày 13/6/2023 kèm theo bản án)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về quyền, nghĩa vụ thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, ngày 18/9/2023 nguyên đơn là bà Trần Thị Thu T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông Nguyễn Hoài T1 tháo dỡ diện tích xây dựng trái phép trả lại phần đất lần chiếm cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên có quan điểm Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Bà Trần Thị Thu T kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe: người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; Ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T thì thấy:

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoài T1 tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất lần chiếm để trả lại phần đất lần chiếm cho gia đình bà theo mốc giới là mái đan cửa sổ nhà của gia đình bà, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 1014, tờ bản đồ số 16, diện tích 104m² đất ở và nhà trên đất tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là của vợ chồng ông Trần S và bà Đào Thị T6 tạo lập từ trước năm 1975. Năm 1993, bà T6 đứng ra đăng ký kê khai sử dụng và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2002; năm 2013 theo dự án V đo đạc lại thì thửa đất 1014 biến động thành thửa đất 218, tờ bản đồ số 34, diện tích 148,9m² đất ở. Ông Trần S (chết năm 2019) và bà Đào Thị T6 (chết năm 2014) những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S, bà T6 đều thống nhất đây là tài sản của ông S

và bà T6 để lại cho 07 người con cùng quản lý gồm: ông Trần Quang T2, ông Trần Quang D, ông Trần Quang T3 (chết năm 2006 có 02 con là cháu Trần Quân N, cháu Trần Quỳnh T5), bà Trần Thị Tường V, ông Trần Quang H, ông Trần Quang N1, bà Trần Thị Thu T.

[2.2] Thửa đất số 1012, tờ bản đồ số 16, diện tích 55,4 m² đất ở, tọa lạc tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là do ông Nguyễn Hoài T1 và bà Nguyễn Thị Ú kê khai theo hồ sơ địa chính năm 1993; năm 2013 theo dự án Vlap đo đạc lại thì thửa đất 1012 biến động thành thửa đất 217, tờ bản đồ số 34, diện tích 48,3m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thì diện tích thực tế thửa đất hộ bà T đang sử dụng 147m² (so với kết quả đo đạc theo Vlap năm 2013 là giảm 1,9 m²); Thửa đất hộ ông T1 đang sử dụng là 55,4 m² (so với so với kết quả đo đạc theo Vlap năm 2013 là tăng 7,1m²). Phần đất tranh chấp theo mốc giới, các bên đương sự tự xác định theo kết quả đo đạc ngày 13/6/2023 là 7,9m² đất ở.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận nhà của cha mẹ bà T xây từ trước năm 1975 có chừa một khoảng đất trống để làm mái đánh che cửa sổ nên ranh giới giữa hai thửa đất được tính theo mốc giới là mái đánh cửa sổ kéo dài từ trước ra sau thửa đất. Như vậy, các bên đã thống nhất về ranh giới giữa hai thửa đất và việc sử dụng đất theo ranh giới này là ổn định trên 30 năm không có tranh chấp nên ranh giới giữa hai thửa đất được công nhận và các bên có quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Năm 2022, vợ chồng ông T1 bà Ú xây nhà, vì thửa đất nhỏ hẹp nên vợ chồng ông T1 có gặp ông Trần Quang D là anh ruột bà T để xin khoảng đất trống bên dưới mái đánh cửa sổ để xây nhà sát vách nhà của gia đình bà T thì được ông D đồng ý. Ngày 27/02/2022, ông D có viết giấy thỏa thuận cho ông T1 xây sát vách nhà của cha mẹ ông D. Tuy nhiên, tài sản quyền sử dụng đất là di sản của ông S bà T6 để lại cho 07 anh chị em nên việc ông D tự mình thỏa thuận với vợ chồng ông T1 là không đúng quy định pháp luật nên bà T khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất do ông T1 và bà Ú xây nhà lấn chiếm là có căn cứ chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng ông T1 bà Ú xây nhà kiên cố trên toàn bộ thửa đất số 1012, nếu buộc tháo dỡ một phần nhà 7,9m² thì sẽ ảnh hưởng kết cấu toàn bộ ngôi nhà và có thể dẫn đến đổ sập gây thiệt hại nhiều cho gia đình ông T1. Do đó, Bản án sơ thẩm đã không buộc vợ chồng ông T1 bà Ú tháo dỡ một phần nhà trả đất lại cho gia đình bà T, mà căn cứ vào kết quả định giá tài sản ngày 13/6/2023, buộc vợ chồng ông T1 bà Ú trả lại cho gia đình bà T giá trị đất theo giá thị trường: 7,9m² đất x 10.000.000 đồng/m² = 79.000.000 đồng. Đồng thời có nhận định, sau khi trả cho gia đình bà T giá trị đất lấn chiếm thì vợ chồng ông T1, bà Ú được quyền sử dụng phần đất đã xây nhà lấn qua thửa đất nhà bà T; gia đình bà T phải tháo dỡ mái đánh cửa sổ 0,4m², gờ mái 0,6m²

(trên đất lấn chiếm đã giao cho vợ chồng ông T1 sử dụng) khi vợ chồng ông Thương yêu c là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Thu T kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là đúng nên không được chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do người kháng cáo là bà Trần Thị Thu T không được chấp nhận kháng cáo nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; bà Trần Thị Thu T đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 37, 41, 147, 157, 165, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, 166, 175, 176, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

2.2. Xác định vợ chồng ông Nguyễn Hoài T1, bà Nguyễn Thị Ú có xây nhà lấn sang thửa đất số 1014, tờ bản đồ số 16 (hiện nay là thửa 218, tờ bản đồ số 34) của gia đình bà Trần Thị Thu T 7,9m² đất ở (có số đo và tứ cận theo sơ đồ bản vẽ ngày 13/6/2023 kèm theo bản án sơ thẩm).

2.3. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hoài T1, bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ trả giá trị 7,9m² đất ở đã lấn chiếm với số tiền là 79.000.000 đồng cho những người được hưởng thừa kế tài sản của ông Trần S và bà Đào Thị T6, tạm giao bà Trần Thị Thu T nhận và quản lý số tiền này.

Sau khi vợ chồng ông T1, bà Ú trả cho gia đình bà T giá trị đất lấn chiếm thì vợ chồng ông T1, bà Ú được quyền sử dụng 7,9m² đất ở đã lấn chiếm và buộc gia đình bà T phải tháo dỡ mái danh cửa sổ 0,4m², gờ mái 0,6m² (trên đất

lần chiếm đã giao cho vợ chồng ông T1 sử dụng) khi vợ chồng ông T1 có yêu cầu.

(Có sơ đồ bản vẽ ngày 13/6/2023 kèm theo bản án sơ thẩm)

3. Về án phí: áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001851 ngày 02/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Các quyết định về: chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái